

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-3-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và Trịnh Ngọc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Ngọc Y, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số nhà 14, Tổ 1, ấp B, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 14, Tổ 1, ấp B, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn K tự nguyện chung sống với nhau năm 2009 và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 9 năm 2009.

Cuộc sống vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn về mọi vấn đề của cuộc sống dẫn đến cãi nhau thường xuyên, không có tôn trọng lẫn nhau. Cuộc sống vợ chồng cứ lặn đạn không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm ngày càng mờ nhạt dần, mỗi người sống một nơi. Hai vợ chồng quyết định sống ly thân

từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng đã hết nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn K.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Công Tấn A, sinh ngày 07/8/2009. Khi ly hôn, chị Y đồng ý giao cháu Anh cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị không cấp dưỡng cho con. Hiện nay cháu Anh đang ở với anh K tại ấp B, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Về tài sản: Chị và anh K không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh K không đến Tòa án tham gia tố tụng, khi Tòa án đến trực tiếp tại địa phương thì không gặp được, nên không thu thập được lời khai của bị đơn.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Y. Về hôn nhân: Cho chị Y được ly hôn với anh K. Giao cho anh K trực tiếp nuôi con chung, tạm thời chị Y chưa phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản: Chị trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, anh K vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của anh K, không đề nghị xem xét, khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

- Về án phí: Chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Trần Văn K có nơi cư trú tại xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Đỗ Thị Ngọc Y khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh K. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự chị Y là nguyên đơn và anh K là bị đơn, theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Y và anh K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Long An và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 21/9/2009. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị Y trình bày anh chị có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi với nhau, anh K không còn sự quan tâm đến gia đình. Từ năm 2019 đến nay, chị và anh K đã không còn chung sống với nhau nữa. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của đương sự.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị Y và anh K đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị Y và anh K có 01 (một) con chung tên Trần Công Tấn Anh, sinh ngày 07/8/2009. Khi ly hôn, chị Y đồng ý giao cháu Anh cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, hiện chị chưa có mức thu nhập ổn định nên tạm thời chị chưa có khả năng cấp dưỡng cho con. Tòa án cũng không ghi nhận được ý kiến nào của anh K về mức cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hiện cháu Tấn Anh đang do anh K trực tiếp nuôi dưỡng, vì vậy không nên sáo trộn cuộc sống của cháu mà giao cháu cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Anh.

- Về tài sản: Chị Y trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh K không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần tài sản ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Ngọc Y.

- Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị Ngọc Y được ly hôn với anh Trần Văn K.

- Về nuôi con: Giao cho anh Trần Văn K trực tiếp nuôi con chung là Trần Công Tấn A, sinh ngày 07/8/2009.

- Về mức cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

Chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản và nợ chung: Không xét.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị Ngọc Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Y đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004078 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Khánh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (Số 53, ngày 21/9/2009) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Phi